

## LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

### QUYỂN 10

#### GIẢI THÍCH CÁC BỒ-TÁT MƯỜI PHƯƠNG ĐẾN

##### Phần 2

**KINH:** Phật Bảo Tích trả lời Phổ Minh rằng: “Thiện nam tử! Qua khỏi thế giới nhiều như cát sông Hằng ở về phương Tây, có một thế giới tên là Ta-bà, trong ấy có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, đang muốn thuyết Bát-nhã Ba-la-mật cho các đại Bồ-tát, ấy là thần lực của Ngài”.

**LUẬN:** Hỏi: Phật cũng như núi Tu-di, không bị sóng nước biển cả lay động, nay vì sao đáp lời Phổ Minh hỏi? Ấy là tướng lay động? Nhiếp tâm thời không nói, tán tâm thời có nói. Nói pháp là từ giác quán phát sinh. Giác quán là việc thô, Phật không nên có việc thô ấy?

Đáp: Phật tuy đã nhập sâu thiền định, không bị thế sự làm động. Nay vì tâm đại từ bi thương xót chúng sanh, mà thuyết pháp đoạn trừ nghi ngờ cho họ. Như núi chúa Tu-di, gió nhỏ không thể lay động, nếu có gió Tùy-lam thổi đến thời mới rung động mạnh. Phật cũng vậy, khi có ngọn gió đại từ bi thổi đến thời vì thương xót mà tâm động, phân tán thân ra vô số đi vào năm đạo để giáo hóa chúng sanh, hoặc làm thân trời cho đến thân súc sanh.

Lại nữa, thật sự Phật không động, Ngài thường nhập định, do nhân duyên phước đức đời trước, mà toàn thân phát ra tiếng, ứng tiếp các vật như tiếng vang, cũng như nhạc trời tự dựng phát ra tiếng. Lại như ngọc Ma-ni, tùy theo người muốn gì cho nấy. Nếu muốn áo mặc, uống ăn, thuốc thang, tùy ý cần dùng, tự nhiên đều có được. Phật cũng như thế, từ trong lỗ chân lông kia, trên thân Ngài tự nhiên có tiếng, tùy tâm thuyết pháp, trong ấy Phật không hề nghĩ tưởng, cũng không phân biệt.

Như trong kinh Thuyết-mật-tích Kim-cang nói: “Phật có ba sự bí mật là thân mật, ngữ mật, ý mật. Tất cả chư Thiên, loài người đều không hiểu, không biết”.

Trong một hội chúng sanh, mà hoặc có người thấy thân Phật sắc hoàng kim, sắc bạch ngân, các tạp sắc. Có người thấy thân Phật cao một trượng sáu thước. Hoặc thấy một dặm, mười dặm, trăm ngàn vạn ức, cho đến vô biên vô lượng khắp cả hư không như thế v.v... gọi là thân mật.

Về ngữ mật là, có người nghe âm thanh của Phật tủa xa một dặm, có người nghe mười dặm, trăm ngàn vạn ức vô số vô lượng khắp cả hư không. Trong một hội chúng mà hoặc có người nghe thuyết về bố thí, có người nghe thuyết về trì giới, có người nghe thuyết về nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Như vậy cho đến mười hai bộ loại kinh văn, tám vạn pháp tụ, mỗi mỗi tùy tâm mà nghe, ấy gọi là ngữ mật.

Bấy giờ Mục-liên suy nghĩ muốn biết âm thanh của Phật gần hay xa, liền dùng sức thần túc của mình đi qua ngàn vạn ức thế giới Phật mới dừng nghỉ, vẫn nghe âm thanh Phật cũng như ở gần không khác. Nơi thế giới dừng chân ấy, đang là bữa ăn của Phật và đại chúng, người cõi này thấy Mục-liên ôm bình bát đứng, các đệ tử của Phật này hỏi Phật của họ rằng: “Người này như con sâu lớn từ đâu đến, lại khoác áo Sa-môn mà đi vậy?” Phật này trả lời: “Chớ khinh người ấy. Ở về phương Đông, qua khỏi vô lượng Phật thế giới, có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, người ấy là đệ tử có thần túc của Phật ấy”. Phật này lại hỏi: “Mục-độ-già-lược-tử (Moudgalyaya-na)! Sao ông lại đến đây?” Mục-liên thưa: “Con vì tìm âm thanh của Phật, cho nên đến đây”. Đức Phật bảo Mục-liên: “Ông tìm âm thanh của Phật, qua vô lượng ức kiếp, cũng không thể tìm ra được biên giới của nó”.

Lại nữa, Phật ra đời là để dứt bỏ nghi ngờ cho chúng sanh, cho nên thuyết pháp cho họ. Điều ấy không nên gạn hỏi. Cũng như không nên hỏi mặt trời tại sao lại trừ bóng tối? Phật cũng như vậy, không nên hỏi Phật vì sao mà trả lời.

Hỏi: Các Phật giác ngộ bằng nhau nên gọi là Đẳng giác. Nay vì sao bảo đó là thần lực của Phật kia?

Đáp: Chỉ cho thấy là không có tôi, ta, kia, đây; vì để diệt tận đố, kiêu mạn vậy.

Lại nữa, thế giới có được các vị Trời, thường mong cầu sự tôn trọng hơn cả, vì kiêu mạn mà tự nói rằng: Trời, đất, người, vật đều do ta biến hóa ra. Như Phạm-thiên vương nói với các Phạm-thiên rằng: “Ta tạo ra các người”. Trời Tỳ-nữu (Virnu) nói: “Ở thế gian mà có kẻ rất giàu

sang danh tiếng, đều là một phần sức mạnh oai đức của thân ta. Ta có thể thành tựu thế gian, cũng có thể phá hoại thế gian. Oai đức thế gian đều do ta làm”. Vì có các Trời như vậy nên họ phá pháp tướng nhân duyên. Lời thật của chư Phật không phá hoại pháp tướng nhân duyên. Cho nên nói đó là thần lực của Phật kia.

**KINH:** Bấy giờ Bồ-tát Phổ Minh bạch Phật Bảo Tích rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nay sẽ đến thăm Phật Thích-ca Mâu-ni để lễ bái cúng dường, và thăm các vị đại Bồ-tát là những vị kế thừa tôn vị, đều đã chứng được Đà-la-ni và các Tam muội, ở trong các Tam muội đều được tự tại.

**LUẬN:** Hỏi: Sự trì giới, thiền định, trí tuệ và độ người của chư Phật đều như nhau, Bồ-tát Phổ-Minh ấy tại sao còn muốn đến thăm Phật Thích-ca Mâu-ni?

Đáp: Các Bồ-tát thường muốn thăm Phật không biết nhàm chán, nghe pháp không biết nhàm chán, thấy các Bồ-tát không biết nhàm chán. Các Bồ-tát đều nhàm chán đối với pháp thế gian, mà đối với ba việc trên, tâm không hề biết nhàm chán.

Như cư sĩ Thủ từ trên cõi trời Tịnh-cư, đi đến muốn thấy Phật, nhưng vì thân ông quá vi tế, giống như sữa lỏng không tụ lại trên mặt đất. Phật nói với cư-sĩ Thủ rằng: “Ông hãy hóa làm thân thô, quán sắc tướng của mặt đất này”, Cư sĩ liền như lời Phật dạy, hóa làm thân thô, quán niệm tướng đất, rồi đầu mặt lễ chân Phật, đứng qua một bên, Phật hỏi cư sĩ: “Ông có bao nhiêu việc không nhàm chán mà được sanh trong cõi trời Tịnh-cư?” Bạch rằng: “Con có ba sự không nhàm chán mà được sanh lên cõi trời Tịnh-cư:

- 1- Thấy Phật để cúng dường không nhàm chán.
- 2- Nghe pháp không nhàm chán.
- 3- Cung cấp cho chúng Tăng không nhàm chán.

Cũng như Phật ở tại Diêm-phù-đề, bốn bộ chúng thường đi theo Phật để nghe pháp, hỏi pháp. Chư Thiên Tịnh-cư chúng con cũng thường theo con để nghe pháp, hỏi pháp”.

Hàng Thanh-văn còn nghe pháp không biết nhàm chán, huống hàng Bồ-tát thân pháp tánh. Vì sao? Bồ-tát Phổ-Minh đến thăm Phật Thích-ca Mâu-ni và thăm các Đại Bồ-tát ở đó, là những vị kế thừa tôn vị, đều đã chứng được Đà-la-ni và các Tam muội, như trong chương Tán Bồ-tát trước kia đã nói: Đã được tự tại đối với các Tam muội.

Hỏi: Như Phật là một người đã được tự tại trong hết thảy Tam muội, sao lại nói Bồ tát cũng được tự tại trong hết thảy Tam muội?

Đáp: Có hai thứ Tam muội: Một là Tam muội của Phật, hai là Tam muội của Bồ-tát. Các Bồ-tát ấy được tự tại đối với tam muội của Bồ-tát, chẳng phải đối với tam muội của Phật. Như ở trong kinh Chư Phật Tập Yếu có nói: “Văn thù thi-lợi muốn thấy Phật tập hội, mà không thể đến được, chư Phật đã trở về chỗ cũ.” Văn thù thi-lợi đến chỗ chư Phật tập hội, ở đó có một người nữ ngồi gần Phật kia mà nhập vào Tam muội. Văn thù thi-lợi đi vào, đánh lễ dưới chân Phật xong, bạch Phật rằng: “Cớ sao người nữ này được ngồi gần Phật mà con không được?” Phật bảo Văn thù thi-lợi: “Ông hãy đánh thức người nữ này dậy khỏi Tam muội rồi ông hãy tự hỏi người ấy”. Văn thù thi-lợi bèn khảy móng tay để thức mà không dậy, cất tiếng kêu lớn cũng không dậy, cầm tay kéo cũng không dậy, lại dùng Thần túc làm rung động Tam thiên đại thiên thế giới cũng không dậy. Văn thù thi-lợi bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không thể thức dậy được”. Khi ấy Phật phóng ánh sáng lớn chiếu thế giới hạ phương, trong ấy có một vị Bồ-tát trên là Khí-chư-cái, liền từ hạ phương xuất hiện đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật rồi đứng sang một bên. Phật bảo Bồ-tát Khí-Chư-Cái: “Ông hãy đánh thức người nữ ấy”. Bồ-tát liền khảy móng tay, người nữ ấy liền từ Tam muội dậy. Văn thù thi-lợi bạch Phật: “Vì nhân duyên gì con làm rung động cả Tam thiên đại thiên thế giới mà vẫn không thể khiến người nữ ấy khởi dậy, còn Bồ-tát Khí-Chư-Cái khảy móng tay một cái là khởi dậy khỏi Tam muội liền?” Phật bảo Văn thù thi-lợi: “Ông nhân người nữ ấy mà bắt đầu phát ý A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề, người nữ ấy nhân Bồ-tát Khí-Chư-Cái mà bắt đầu phát ý A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề. Vì thế nên ông không thể đánh thức dậy”.

Đối với tam muội chư Phật, công đức ở trong Tam muội của chư Bồ-tát được tự tại, nhưng đối với Tam muội của chư Phật thì Bồ-tát mới vào được ít nhiều nên chưa được tự tại.

**KINH:** Phật bảo Phổ Minh: “Ông muốn đi qua thì tùy ý, nên biết phải thời”. Bấy giờ Phật Bảo Tích lấy hoa sen sắc vàng ngàn cánh đưa cho Bồ-tát Phổ Minh mà bảo: “Thiện nam tử! Ông đem hoa này rải lên trên Phật Thích-ca Mâu-ni. Các Bồ-tát sanh ở thế giới Ta-bà kia, là những vị khó hơn, khó bì kịp, ông hãy nhất tâm đi tới thế giới kia”.

**LUẬN:** Hỏi: Vì sao Phật nói muốn đi tùy ý, nên biết phải thời?

Đáp: Vì Phật đã cắt đứt tình riêng đối với đệ tử và trong tâm Ngài không còn ràng buộc với đệ tử.

Lại nữa, vị Bồ-tát ấy chưa chứng được Nhất-thiết-trí, chưa chứng được Phật nhãn, nên trong tâm còn nhiều nghi ngờ cho rằng Phật Thích-

ca Mâu-ni công đức lớn, được lợi ích hoặc nhiều hơn, cho nên nói “muốn đi qua tùy ý”.

Lại nữa, vị Bồ-tát ấy ở xa trông thấy Phật Thích-ca Mâu-ni thân nhỏ, lòng hơi có chút kiêu mạn nói là Phật kia không bằng (Phật này). Cho nên Phật bảo ông đi qua chỗ đó chớ quan sát thân Phật, chớ nghĩ đến thế giới mà chỉ nghe Phật thuyết pháp thôi.

Lại nữa, thế giới ấy cách thế giới này rất xa, ở tận nước phương Đông. Vị Bồ-tát ấy nghe Phật Thích-ca Mâu-ni thuyết các pháp tướng với Phật Bảo Tích thuyết các pháp tướng rất giống nhau, mới nói: “Thế giới tuy xa, mà pháp tướng không khác, do đó niềm tin lớn tăng thêm, tâm trở nên kiên cố”.

Lại nữa, do nhân duyên đời trước, tuy sanh ở nơi xa, mà đi đến nghe thuyết pháp. Thí như dây buộc chân chim sẻ, chim cũng bay xa, nhưng khi kéo lại thì về.

Lại nữa, các Bồ-tát trong thế giới Ta-bà thấy Bồ-tát Phổ Minh từ xa đến nghe pháp, liền suy nghĩ: “Kia từ xa còn đến nghe pháp, huống ta sanh trong thế giới này mà không nghe pháp?” Bởi các nhân duyên như vậy nên nói: “muốn đi qua tùy ý, nên biết phải thời”.

Hỏi: Thần lực của chư Phật ngang nhau, lại không cầu phước, tại sao lấy hoa làm tin?

Đáp: Vì hành theo pháp thế gian vậy. Như hai vị Quốc vương, thế lực tuy đồng nhau, cũng gửi đồ tặng cho nhau.

Lại nữa, biểu thị thiện tâm nhu nhuyễn cho nên lấy hoa làm tin. Trong pháp thế gian, kẻ sứ giả từ xa đến tất phải có tin. Phật theo pháp thế gian cho nên gửi tin.

Lại nữa, vì chư Phật cung kính pháp, nên cúng dường pháp, lấy pháp làm Thầy. Vì sao? Vì ba đời các đức Phật đều lấy thật tướng chư pháp làm Thầy.

Hỏi: Vì sao không tự cúng dường pháp trong thân mình, mà lại cúng dường pháp của người khác?

Đáp: Theo pháp thế gian, như Tỳ-kheo muốn cúng dường Pháp bảo, nhưng không tự cúng dường pháp ở trong thân mà cúng dường các người trì pháp, biết pháp, hiểu pháp. Phật cũng vậy, tuy trong thân có pháp, mà lại cúng dường pháp của Phật khác.

Hỏi: Như Phật thì không còn cầu phước đức, tại sao còn cúng dường?

Đáp: Phật từ trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu các công đức, thường hành các việc thiện, không chỉ cầu quả báo, mà vì kính trọng các công

đức mà làm việc cúng dường. Như khi Phật còn tại thế, có một Tỳ-kheo mù, mắt không trông thấy nhưng tay thì khâu áo. Khi kim sút chỉ, thầy nói: “Ai ưa có phước đức, xin khâu kim hộ tôi?” Gặp khi Phật đi đến nơi đó, Ngài nói với Tỳ-kheo: “Ta là người ưa có phước đức, để Ta khâu kim hộ cho ông”. Vị Tỳ-kheo nghe biết tiếng Phật, vội đứng dậy sửa áo đảnh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng: “Công đức của Phật đã đầy đủ, sao còn nói ưa có công đức?” Phật bảo: “Ta tuy công đức đã đầy đủ, mà Ta biết sâu xa về nhân duyên của công đức, quả báo của công đức, năng lực của công đức. Nay Ta được là tối đệ nhất trong hết thảy chúng sanh, là do công đức ấy, cho nên Ta ưa có”. Phật vì vị Tỳ-kheo ấy mà tán thán công đức xong, tiếp đó Ngài tùy ý thuyết pháp cho ông. Vị Tỳ-kheo ấy được pháp nhãn thanh tịnh, nhục nhãn lại sáng ra.

Lại nữa, Phật tuy công đức đã đầy đủ, không còn cần gì nữa, nhưng vì giáo hóa đệ tử nên nói: “Ta còn làm công đức, các ông vì sao không làm?” Như trong nhà kỹ nhạc, một ông lão trăm tuổi mà múa, có người chê rằng: “Ông già đã trăm tuổi, còn múa mà làm gì?!” Ông đáp: “Ta không cần gì mà múa, ta chỉ muốn dạy con cháu mà thôi”. Phật cũng vậy, công đức tuy đã đầy đủ, mà vì để dạy đệ tử làm công đức nên làm việc cúng dường

Hỏi: Nếu như vậy, sao Phật không từ xa rải hoa đến trên Phật Thích-ca Mâu-ni, mà lại sai người đi cúng dường?

Đáp: Vì ở đây các Bồ-tát tin nơi Phổ Minh vậy.

Lại nữa, sứ giả của Phật sai đi, nước, lửa, binh, độc, trăm ngàn thứ hại, không thể làm thương tổn, đường xá xa xôi, muốn cho được an ổn.

Hỏi: Sao không lấy bảo vật đẹp đẽ, kinh điển sâu xa, hay Phật bảo, Bồ-tát bảo (tức là thứ báu này chư thiên không thấy được, nó xuất sanh các thứ vật quý như ngọc Ma-ni, nên gọi là Phật bảo) làm tin, mà lại lấy hoa sen? Hoa sen là vật nhỏ mọn đâu đủ làm tin?

Đáp: Phật không cần vật. Bảo vật của Phật, bảo vật của trời còn không cần huống là bảo vật của người. Vì không cần nên không sai mang đi. Cũng vì các Phật tự có đủ như nhau, nên không sai mang đi. Kinh điển sâu xa cũng vậy.

Lại nữa, các kinh đối với Phật không có gì thậm thâm, nói thậm thâm là xuất tự nơi người phàm. Điều người phàm nghi ngờ, đối với Phật vô ngại. Khó đối với người phàm, đối với Phật đều dễ. Lại nữa, hoa hương thanh diệu, đáng dùng để cúng dường, như người hiến tặng, tất phải dùng vật lạ.

Hỏi: Sao chỉ dùng hoa sen, không dùng vật khác?

Đáp: Cúng dường thì chỉ dùng hoa, hương, tràng phan, bảo cái. Hoa có hai sự là sắc và hương.

Hỏi: Hoa khác cũng có hương, có sắc, sao chỉ dùng hoa sen cúng dường?

Đáp: Như trong kinh Hoa Thủ nói: “Mười phương Phật đều lấy hoa cúng dường Phật Thích-ca Văn”.

Lại nữa, hoa sen có ba loại: Hoa của người, hoa của trời, hoa của Bồ-tát. Hoa của người, thứ hoa sen lớn có trên mười cánh, hoa của trời có trăm cánh, hoa của Bồ-tát ngàn cánh. Trong thế giới kia, phần nhiều có Hoa sen ngàn cánh sắc vàng chói sáng. Trong thế giới Ta-bà tuy có hoa biến hóa ngàn cánh, mà không có hoa sanh trong nước, cho nên Ngài sai mang đi. Hoa sen ngàn cánh sắc vàng ấy, như đã nói ở trong đoạn về tướng lưới.

Hỏi: Sao Phật sai Phổ Minh lấy hoa rải trên Phật?

Đáp: Pháp cúng dường là hoa, hương, phướn, lọng. Phướn, lọng thì nên ở trên, hương khô thì nên đốt, hương ướt thì nên bôi dưới đất, hương bột và hương nước nên rải.

Hỏi: Sao không chỉ cúng dâng rồi thôi, mà còn tự tay rải lên trên?

Đáp: Tự tay cúng dường là thân nghiệp, lời nói êm dịu hỏi han là khẩu nghiệp, phát khởi thân nghiệp khẩu nghiệp là ý nghiệp. Ba nghiệp ấy được công đức bền chắc, làm nhân duyên cho Phật đạo.

Hỏi: Vì sao nói “Ông nên nhất tâm cung kính thận trọng, các Bồ-tát trong thế giới Ta-bà là khó bì kịp, khó hơn?”

Đáp: Phật, Bích-chi Phật, A-la-hán, tất cả các Hiền Thánh, đều nhất tâm cung kính thận trọng. Ma hoặc Ma dân, các kiết sử của nội thân, các tội báo đời trước đều là giặc. Gần các thứ giặc ấy, nên phải nhất tâm, cung kính, thận trọng. Cũng như đi vào giữa giặc, không tự thận trọng giữ gìn, thì giặc bắt. Vì vậy nên nói nhất tâm cung kính thận trọng để đi qua thế giới kia.

Lại nữa, vì lòng người dễ tán loạn, như cuồng như say, nhất tâm cung kính thận trọng là đầu của các công đức. Nhiếp tâm được thiền, liền được trí tuệ chơn thật, được trí tuệ chơn thật, liền được giải thoát, được giải thoát liền được hết khổ. Những việc như vậy, đều từ nhất tâm mà được. Như sau khi Phật Bát Niết-bàn một trăm năm, có một thầy Tỳ-kheo tên là Ưu-ba-cúc, là vị A-la-hán chứng được lục thông, làm Đại đạo sư của cõi Diêm-phù-đề lúc bấy giờ. Lúc ấy có một Tỳ-kheo-ni, một trăm hai mươi tuổi, vị Tỳ-kheo-ni ấy lúc nhỏ đã từng thấy Phật. Ngài Ưu-ba-cúc vào nhà bà để hỏi về dung nghi của Phật, trước tiên sai đệ tử

đến nói với Tỳ-kheo-ni rằng: “Đại sư tôi là Ưu-ba-cúc muốn đến thăm bà để hỏi về dung nghi của Phật”.

Khi ấy vị Tỳ-kheo-ni lấy bình bát đựng đầy dầu mè, đặt dưới cánh cửa để thử coi oai nghi của Ưu-ba-cúc có được rõ ràng chăng? Ưu-ba-cúc đi vào, từ từ đẩy cánh cửa, làm đổ một ít dầu. Ngồi xong, Ngài hỏi Tỳ-kheo-ni: “Bà đã từng thấy Phật chăng? Dung mạo giống như thế nào? Xin nói cho tôi được rõ”. Tỳ-kheo-ni đáp: “Lúc ấy tôi còn niên thiếu, thấy Phật đi vào làng, mọi người đều nói “Phật đến”, tôi theo mọi người chạy ra, trông thấy ánh sáng của Ngài tôi liền lễ bái, chiếc thoa vàng trên đầu tôi rơi xuống đất, tại rừng cây tối mù, ánh sáng Phật soi đến, mọi vật u ám đều được trông thấy, tôi liền lượm được thoa. Từ đó về sau, tôi làm Tỳ-kheo-ni. Ưu-ba-cúc lại hỏi: “Lúc Phật còn ở đời, oai nghi lễ pháp của các Tỳ-kheo như thế nào?” Đáp: “Lúc Phật còn ở đời, Lục quần Tỳ-kheo rất là tệ ác, không biết tầm quý, mà oai nghi phép tắc hơn ông bây giờ, vì sao mà biết thế? Vì Lục quần Tỳ-kheo đi vào cửa, không làm dầu đổ. Lục quần Tỳ-kheo tuy là tệ ác, mà đúng như nghi pháp của Tỳ-kheo, đi, đứng, nằm, ngồi không mất phép tắc. Ông tuy là A-la-hán có sáu thần thông mà không bằng bọn họ.” Ưu-ba-cúc nghe nói lời ấy, hết sức hổ thẹn. Vì vậy nên nói nhất tâm cung kính thận trọng, là tướng trạng của bậc thiện nhân vậy.

Lại nữa, vì sao nói là nhất tâm cung kính thận trọng? Vì các vị Bồ-tát ấy khó hơn, khó bì kịp, khó phá, khó gần. Cũng như Sư tử chúa to lớn, khó hơn, khó phá hoại; cũng như Bạch tượng vương và Long vương; cũng như ngọn lửa lớn, đều khó có thể đến gần. Các Bồ-tát ấy có đại phước đức trí tuệ lực, nếu người nào muốn hơn hay muốn phá hoại, đều không thể được; mà chỉ có thể tự hại mà thôi. Thế nên nói là khó gần.

Hỏi: Hết thấy đại Bồ-tát đều có đại công đức, trí tuệ lợi căn, hết thấy đều khó gần, cơ sao chỉ nói các Bồ-tát trong thế giới Ta-bà là khó gần?

Đáp: Đúng như lời ấy. Chỉ vì các Bồ-tát từ trong thế giới Đa Bảo đi đến, thấy thế giới Ta-bà này không bằng, toàn đá, cát, ô uế, xấu xa, thân Bồ-tát thì nhỏ, tất cả mọi sự đều không bằng, chắc sanh lòng nghi mạn, thế nên Phật nói hãy nhất tâm cung kính thận trọng, các Bồ-tát kia khó gần.

Lại nữa, người sanh ở chỗ vui, phần nhiều không dũng mãnh, không thông minh, ít trí tuệ, như người sanh ở châu Uất-đơn-la-việt, vì quá vui mà không xuất gia, không thọ giới. Sanh trong cõi trời cũng vậy, còn trong thế giới Ta-bà này nhân duyên của sự vui ít, có ba điều dữ là già,



bệnh, chết, cách nuôi sống theo đất đai khó, cho nên dễ sanh tâm nhàm chán. Thấy già bệnh chết kéo đến, tâm rất chán sợ, thấy người nghèo cùng, biết do nhân duyên đời trước gây nên, sanh tâm rất chán, do vậy nên nói có trí tuệ lợi căn. các Bồ-tát ở trong cõi kia, là thế giới bảy báu, các thứ cây báu, tâm tưởng tới uống ăn, tùy ý liền có được. Như vậy nên khó sanh tâm nhàm chán, cho nên trí tuệ không thể thông lợi, lớn lao. Cũng như dao bén, đặt vào trong đồ uống ăn tốt, dao dễ sanh rỉ sét, đồ uống ăn tuy tốt nhưng không thích hợp với dao. Nếu lấy đá mà mài, lấy mỡ, tro mà lau chùi, thì rỉ sét liền sạch, dao được bén. Bồ-tát cũng như vậy, sanh trong thế giới hỗn tạp, nên có lợi trí mà khó gần. Như người lúc nhỏ siêng năng khó nhọc, thì có nhiều tài năng, cũng kham được nhiều việc. Lại như nuôi ngựa mà không cỡi, thì không dùng được việc gì.

Lại nữa, trong thế giới Ta-bà, Bồ-tát có nhiều phương tiện nên khó gần, các nơi khác thì không vậy. Như Phật nói: “Ta tự nhớ đời trước, một ngày bố thí cho người nghìn thân mạng, vì để độ chúng sanh. Tuy các công đức, sáu Ba-la-mật, tất cả Phật sự đầy đủ mà không làm Phật, thường dùng phương tiện độ thoát chúng sanh. Vì những việc ấy, các Bồ-tát trong thế giới Ta-bà là khó gần.

**KINH:** Bấy giờ Bồ-tát Phổ Minh từ nơi Phật Bảo Tích nhận lấy hoa sen sắc vàng ngàn cánh, với vô số hàng xuất gia, tại gia và các đồng nam đồng nữ cùng cất bước.

**LUẬN:** Hỏi: Bồ-tát Phổ-Minh có đại lực thần thông nên có thể đi đến, còn hàng xuất gia, tại gia Bồ-tát, và các đồng nam đồng nữ làm sao tự đi được? thế giới Đa Bảo ở tận cùng phía Đông, dặm đường xa xôi, các hàng ấy tự dùng sức mình mà đi, hay là sức của Phật Bảo Tích? Hay là sức của Bồ-tát Phổ-Minh? Hay là sức của Phật Thích-ca Mâu-ni?

Đáp: Hoàn toàn do sức của cả bốn hạng người. Các hàng Bồ-tát xuất gia tại gia ấy là những Bồ-tát đã được bất thối, thành tựu ngũ thông, khéo tu bốn Như ý túc, có nhân duyên với đức Phật Thích-ca Mâu-ni từ đời trước, cũng do tự sức mình, cũng do sức của Bồ-tát Phổ-Minh. Vì sao? Trong đó, người thế lực mỏng thời do sức của Bồ-tát Phổ-Minh mà đến được. Như khi Chuyển luân Thánh vương bay đi, thì cả bốn thứ binh và các cung, nhà, súc vật, thú vật tất cả đều bay. Vì công đức của Chuyển luân Thánh vương rất lớn, đủ khiến cho tất cả bay đi. Đây cũng như vậy, người thế lực mỏng thì do sức của Bồ-tát Phổ-Minh, đều cũng đi theo được. Cũng là do sức của Phật Bảo Tích và ánh sáng của Phật Thích-ca Mâu-ni soi cho. Nếu tự không có sức, chỉ do ánh sáng của Phật Thích-ca Mâu-ni soi đến cũng có thể đến được, huống gì có cả ba sức.

Hỏi: Bồ-tát Phổ-Minh sao không chỉ đi một mình mà đem nhiều người thế?

Đáp: Vì đúng lẽ là có tả hữu đi theo vậy. Cũng như khi Quốc vương đi ra ngoài, tất cả có quân thân đi theo.

Lại nữa, đó là người có nhân duyên với Bồ-tát Phổ-Minh và đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Sao vậy? Vì trong đại chúng kia hai chúng cùng đến, nên biết kẻ có nhân duyên thì đi đến, kẻ không có nhân duyên thì ở lại.

Hỏi: Vị Bồ-tát ấy vì sao cùng đi đến với các tại gia, xuất gia, đồng nam, đồng nữ?

Đáp: Bấy chúng đệ tử Phật là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Học giới ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di là tại gia, năm chúng kia là xuất gia. Trong chúng xuất gia tại gia hoặc có hai hạng, hoặc lớn tuổi, hoặc nhỏ tuổi. Nhỏ là đồng nam, đồng nữ, ngoài ra là lớn tuổi.

Hỏi: Người lớn nên đi, còn người nhỏ làm sao có thể đến được?

Đáp: Tại công đức, không tại lớn nhỏ. Nếu mất sự lợi ích của công đức, làm điều bất thiện, thì tuy già mà nhỏ, nếu có công đức lợi ích, làm điều thiện, thì tuy nhỏ mà lớn.

Lại nữa, thấy người nhỏ đi đến, người trông thấy sẽ khen: “Nhỏ mà còn được vậy, còn vì pháp mà từ xa đi đến”. Cũng hiển bày Phật pháp dù nhỏ hay lớn đều được phụng hành.

Trong pháp của ngoại đạo, hàng Bà-la-môn mới được hành pháp đó, chẳng phải Bà-la-môn thì không được hành. Phật pháp không kể lớn, không kể nhỏ, không kể trong, không kể ngoài, hết thấy đều được tu hành, cũng như uống thuốc, cốt để trừ bệnh, không lựa người sang, hèn, lớn nhỏ.

**KINH:** Đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán các đức Phật ở phương Đông.

**LUẬN:** Hỏi: Nếu cúng dường khắp cả các đức Phật ở phương Đông, thì các đức Phật rất nhiều, biết bao giờ mới cúng xong mà đến được nơi ấy?

Đáp: Các Bồ-tát không cúng dường theo cách của người, trời, mà tự làm theo cách của Bồ-tát. Cách cúng dường của Bồ-tát, thân vào thiền định, thân ấy đi thẳng đến, rồi từ trên thân ấy, xuất ra vô lượng thân, hoá làm đủ thứ vật cúng dường, đầy khắp thế giới của chư Phật, cũng như khi Long vương đi, từ thân tuôn nước, mưa khắp thiên hạ.

Hỏi: Các Bồ-tát ấy muốn đi đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, cố sao

giữa đường lại cúng dường chư Phật?

Đáp: Chư Phật là phước điền bậc nhất, nếu ai cúng dường thì được quả báo lớn. Cũng như người sửa sang nhiều công nghiệp ruộng vườn là để được nhiều lúa. Chư Bồ-tát thấy chư Phật cúng dường mà được quả báo làm Phật, cho nên cúng dường.

Lại nữa, Bồ-tát thường kính trọng Phật, như người ta kính trọng cha mẹ. Chư Bồ-tát nhờ nghe Phật thuyết pháp mà được các thứ Tam muội, các thứ Đà-la-ni, các thứ thần lực. Vì biết ơn Phật cho nên cúng dường rộng khắp. Như trong kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Dược Vương từ nơi Phật mà được Tam muội Biến hiện sắc thân, mới suy nghĩ rằng: “Ta sẽ cúng dường Phật và Pháp Hoa Tam muội như thế nào?” Liền bay lên đến giữa trời, dùng sức Tam muội mưa xuống bảy báu, hương hoa, tràng phan, bảo cái, cúng dường Phật. Sau khi ra khỏi Tam muội, ý còn cho như vậy là chưa đủ, trong một ngàn hai trăm năm ăn những thức ăn thơm, uống các dầu thơm, rồi sau dùng giã trắng quần vào mình mà đốt lên và tự phát thệ rằng: “Mong cho ánh sáng của thân tôi chiếu đến tám mươi hằng hà sa thế giới Phật”. Chư Phật trong tám mươi hằng hà sa thế giới ấy tán thán rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Lấy thân cúng dường, ấy là bậc nhất, hơn đem quốc thành thế tử cúng dường gấp trăm ngàn vạn lần, không thể đem thí dụ so sánh”. Trong một ngàn hai trăm năm, thân cháy mãi không tắt.

Lại nữa, sự cúng dường Phật ấy được vô lượng tiếng tăm, phước đức lợi trí. Các việc bất thiện đều diệt trừ hết, các thiện căn được tăng trưởng, đời này đời sau thường được quả báo cúng dường, lâu về sau sẽ được làm Phật.

Cúng dường Phật như vậy, được vô lượng các thứ lợi ích, thế nên các Bồ-tát cúng dường Phật.

**KINH:** Cầm các hoa hương, anh lạc, hương bột, hương nước, hương đốt, hương xoa, y phục, tràng phan, lọng báu, hương đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, đến rồi đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên.

**LUẬN:** Hỏi: Nếu có lễ, cơ sao nói đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật?

Đáp: Trong thân thể người ta quý nhất là đầu, vì là nơi chứa đựng ngũ tinh (năm giác quan) và ở trên hết. Chân là cái hèn nhất, vì đạp lên chỗ bất tịnh và ở dưới hết. Cho nên đem cái quý mà lễ cái hèn, là vì cúng dường một cách quý trọng nhất.

Lại nữa, lễ có bậc thấp, bậc giữa, bậc cao. Lễ bậc thấp là vái, bậc

giữa là quỳ, bậc cao là cúi đầu. Đầu mặt lễ dưới chân là cách cúng dường bậc cao. Do vậy, trong Luật tạng của Phật, hạ tọa Tỳ-kheo hai tay đỡ hai chân thượng tọa, đầu mặt cúi lễ.

Hỏi: Oai nghi của thân có bốn là hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đi, hoặc nằm, cơ sao chỉ đứng một bên?

Đáp: Vì mới đến nên không nên đi, vì cung kính không nên nằm, việc ấy thật dễ rõ, đâu cần phải hỏi. Nên hỏi tại sao ngồi, tại sao đứng. Ngồi là sự cúng dường không tôn trọng, còn đứng là sự cúng dường tôn trọng.

Lại nữa, trong Phật pháp, các hàng ngoại đạo xuất gia và hàng cư sĩ khi đi đến chỗ Phật đều ngồi. Ngoại đạo là đạo khác, khinh Phật nên họ ngồi, kẻ cư sĩ thì như khách, cho nên ngồi. Còn hết thấy năm chúng, thân tâm thuộc vào Phật, cho nên đứng. Nếu là A-la-hán đặc đạo như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề v.v... việc phải làm đã làm xong, cho nên được phép ngồi, ngoài ra các người khác, tuy được chứng ba đạo quả Sơ, Nhị, Tam cũng không được phép ngồi, vì chưa làm xong đại sự, chưa phá hết giặc kiết sử. Cũng như vua tôi, người có công lớn nên được ngồi. Trong các hàng Bồ-tát tuy có kẻ cư sĩ, mà vì từ xa đi đến cúng dường Phật cho nên đứng.

**KINH:** Bạch Phật rằng: “Như Lai Bảo Tích gửi lời hỏi thăm Thế Tôn, được ít bệnh, ít não, đi và ở được nhẹ nhàng, lạnh lợi, khí lực được an vui chăng?”, lại lấy hoa sen sắc vàng ngàn cánh cúng dường Thế Tôn.

**LUẬN:** Hỏi: Phật Bảo Tích là bậc Nhất thiết trí, sao lại còn phải hỏi Phật Thích-ca Mâu-ni “được ít bệnh, ít não, đi và ở được nhẹ nhàng, lạnh lợi, khí lực được an vui chăng?”

Đáp: Pháp của Phật tự nhiên là vậy, biết mà cố hỏi. Như trong Luật tạng, Tỳ-kheo Đặc-ni-ca làm một cái hang bằng gạch màu đỏ, Phật thấy vậy, đã biết mà cố hỏi A-nan: “Cái đó là vật gì vậy?” A-nan thưa: “Đó là cái nhà bằng gạch ngói, do con của người thợ gốm xuất gia, tên là Đặc-ni-ca làm, khi làm cái nhà nhỏ bằng cỏ, thường bị trâu phá đi, ba lần làm, ba lần bị phá, nên mới làm cái nhà này”. Phật bảo A-nan: “Hãy phá cái nhà gạch ấy đi. Vì sao? Vì bọn ngoại đạo sẽ nói: “Khi Phật đại sư còn đó, mà pháp còn lọt ra từ chỗ rỉ”. Nhiều chỗ như vậy, biết mà cố hỏi.

Lại nữa, Phật tuy là bậc Nhất thiết trí, nhưng tùy theo pháp thế gian, người thế gian hỏi thăm, Phật cũng hỏi thăm. Phật sanh ở trong loài người, chịu theo pháp loài người, lạnh, nóng, sống, chết v.v... cùng với người như nhau.

Lại nữa, thế giới của Phật Đa Bảo đó thanh tịnh trang nghiêm, thân Phật sắc tướng sáng chói cũng lớn, nếu không hỏi thăm thì người ta cho là khinh mạn. Lại muốn bày tỏ cho thế giới và thân sắc, ánh sáng của Phật, tuy có nhiều chỗ hơn, mà trí tuệ thần lực thì đều như nhau không khác, cho nên hỏi thăm.

Hỏi: Tại sao hỏi ít não, ít bệnh?

Đáp: Có hai thứ bệnh: Một là bệnh do nhân duyên bên ngoài, hai là bệnh do nhân duyên bên trong. Bên ngoài là lạnh, nóng, đói, khát, binh, mũi nhọn, đao, gậy, bị rơi, bị ngã, bị xô, bị đè ... những thứ như vậy gọi là bệnh ngoài, gọi là não. Bên trong là ăn uống không tiết độ, nằm, đi thất thường, bốn trăm lẻ bốn bệnh, những thứ như thế gọi là bệnh trong. Hai thứ bệnh đó hễ có thân đều khổ. Cho nên hỏi “Ít não ít bệnh chăng?”

Hỏi: Sao không hỏi không não, không bệnh, mà lại hỏi ít não, ít bệnh?

Đáp: Thánh nhân thật biết thân là gốc khổ, không lúc nào không bệnh. Vì sao? Vì bốn đại hợp lại làm thân; đất, nước, gió, lửa tánh không hợp nhau, mỗi thứ hại lẫn nhau cũng như ung thư, không lúc nào không đau, nếu lấy thuốc xoa, có thể bớt được mà không thể lành. Thân người cũng vậy, thường bệnh, thường trị, trị thì được sống, không trị thì chết. Vì lẽ ấy, không thể hỏi không não, không bệnh. Bệnh hoạn bên ngoài thường bị gió, mưa, lạnh, nóng làm bức não. Lại thân có bốn oai nghi ngồi, nằm, đi, đứng, ngồi lâu thì rất não; nằm lâu, đứng lâu, đi lâu cũng não. Cho nên hỏi ít não, ít bệnh.

Hỏi: Hỏi ít bệnh ít não là đủ, sao còn nói đi và ở nhẹ nhàng lạnh lợi?

Đáp: Người ta tuy bệnh lành mà chưa được bình phục, vì vậy nên hỏi đi và ở nhẹ nhàng lạnh lợi.

Hỏi: Sao lại còn nói khí lực an lạc chăng?

Đáp: Có người bệnh lành, tuy đi lại ngồi dậy được, nhưng khí lực chưa đủ không thể làm việc, xách nhẹ, vác nặng, do đó hỏi về “khí lực”. Có người tuy bệnh lành, có thể vác nặng xách nhẹ, nhưng chưa được yên vui. Do đó hỏi “Có yên vui chăng?”

Hỏi: Nếu không bệnh mà có sức, vì sao chưa được an vui?

Đáp: Có người vì nghèo cùng, sợ hãi, ưu não, không được an vui. Do đó nên hỏi “Được an vui chăng?”

Lại nữa, có hai cách hỏi thăm: Hỏi thăm về thân, hỏi thăm về tâm. Nếu nói ít não, ít bệnh, đi và ở nhẹ nhàng lạnh lợi, khí lực an vui là hỏi thăm về thân. Nếu hỏi an vui chăng, là hỏi thăm về tâm. Các thứ bệnh

bên trong, bên ngoài đều được gọi là thân bệnh. Các thứ phiền não dâm dục, sân nhuế, tật đố, xan tham, ưu sầu, sợ hãi v.v..., chín mươi tám kiết sử, năm trăm triệu cái, các thứ mong cầu, ham muốn, v.v... đều được gọi là tâm bệnh. Vì hỏi thăm hai thứ bệnh ấy nên nói “ít não, ít bệnh, đi và ở nhẹ nhàng lanh lợi, khí lực an vui chẳng?”

Hỏi: Cách hỏi thăm của loài người thì hỏi như vậy. Hàng chư thiên còn không nên hỏi thăm như vậy, huống gì là đối với Phật?

Đáp: Thân Phật có hai: Một là thân thần thông biến hóa, hai là thân cha mẹ sanh. Thân cha mẹ sanh thì chịu theo phép loài người, không như chư thiên, do đó phải theo phép loài người mà hỏi thăm.

Hỏi: Đối với hết thảy Hiền Thánh, tâm không còn bị dính mắc, không tham thân, không tiếc tuổi thọ, không ghét chết, không ưa sống, nếu như vậy thì cần gì hỏi thăm?

Đáp: Vì theo phép thế gian chịu theo phép loài người mà thăm hỏi. Sai thăm hỏi, cũng là chịu theo phép của loài người.

Hoa sen sắc vàng ngàn cánh, như trên đã nói.

**KINH:** Bấy giờ, Phật Thích-ca Mâu-ni sau khi nhận hoa sen sắc vàng ngàn cánh, Ngài rải đến chư Phật trong Hằng hà sa thế giới ở phương Đông.

**LUẬN:** Hỏi: Phật là bậc không ai hơn, không ai bằng, sao nay lại rải hoa cúng dường chư Phật ở phương Đông? Như khi Phật mới đắc đạo, tự suy nghĩ rằng: “Người mà không có chỗ để tôn thờ thì sự nghiệp sẽ không thành, nay trong mười phương Trời đất ai là kẻ đáng tôn thờ. Ta sẽ kính làm Thầy mà thờ”. Khi ấy Phạm-thiên-vương cùng chư Thiên bạch Phật rằng: “Phật là trên hết, không ai vượt qua Phật”. Phật cũng tự dùng Thiên nhãn xem thấy trong ba đời và mười phương Trời đất, không có ai hơn Phật. Tâm tự nghĩ rằng: “Ta thực hành Đại Bát-nhã Ba-la-mật mà nay tự mình được làm Phật. Đây là chỗ cho Ta tôn thờ, tức là Thầy của Ta. Ta sẽ cung kính cúng dường tôn thờ pháp ấy”. Thí như có một gốc cây tên là Hảo-kiên, ở trong lòng đất một trăm năm, cành lá đầy đủ, một ngày kia ra khỏi lòng đất, cao một trăm trượng. Cây ấy ra khỏi rồi, muốn tìm gốc cây lớn để che mát cho mình. Khi ấy trong rừng có vị thần nói với Hảo-kiên rằng: “Trong đời không còn cây nào lớn hơn ngươi, các cây khác đều ở trong bóng mát của ngươi”. Phật cũng như vậy, Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, sanh ở trong lòng đất Bồ-tát, một ngày kia ở tại dưới gốc Bồ-đề, ngồi trên chỗ tòa Kim-cang, như thật biết rõ hết thảy các pháp tướng, chứng thành Phật đạo. Bấy giờ tự nghĩ: “Ai đáng tôn thờ để làm thầy, ta sẽ hầu hạ cung kính cúng dường”.

Khi ấy Phạm-thiên-vương cùng chư Thiên bạch Phật rằng: “Phật là vô thượng, không ai hơn Phật”. Vậy nay cố sao lại cúng dường chư Phật ở phương Đông?

Đáp: Phật tuy trên hết, trong ba đời mười phương trời đất, không ai hơn Phật để mà thực hành sự cúng dường. Cúng dường có thượng, trung, hạ. Cúng dường người thua mình là cúng dường bậc hạ, cúng dường người hơn mình là cúng dường bậc thượng, cúng dường người ngang mình là cúng dường bậc trung. Cũng như Tỳ-kheo-ni Đại-ái-đạo cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni A-la-hán, trong một ngày cùng một lần vào Niết-bàn. Khi ấy hàng Ưu-bà-tắc chứng đắc ba đạo quả đờ giường của năm trăm Tỳ-kheo-ni, Tứ-thiên-vương đờ giường nhũ mẫu của Phật là Đại-ái-đạo, còn Phật tự ở trước bưng lò hương, đốt hoa cúng dường. Phật nói với các Tỳ-kheo: “Các ông hãy giúp Ta cúng dường thân nhũ mẫu”. Bấy giờ các Tỳ-kheo A-la-hán, mỗi người dùng lực thần túc, đi đến trên núi Ma-lê, lấy củi hương Chiên-đàn ngưi đầu chất thành đống giúp Phật. Ấy là cúng dường bậc hạ. Do đó, tuy không cầu chứng quả mà vẫn thực hành cúng dường bình đẳng.

Lại nữa, chư Phật nên phải cúng dường Phật, các người khác không biết đức của Phật, như kệ nói:

*Người trí kính người trí,  
Trí luận người trí mừng,  
Người trí biết được trí,  
Như Rắn biết chân Rắn.*

Vì vậy, chư Phật là bậc Nhất thiết trí cúng dường bậc Nhất thiết trí.

Lại nữa, mười phương Phật đời đời khuyến trợ Phật Thích-ca Mâu-ni. Như Bồ-tát Thất trụ quán các pháp là không, vô sở hữu, bất sanh bất diệt. Quán như vậy rồi, trong hết thủy thế giới, tâm không dính mắc, muốn buông thả sáu Ba-la-mật mà nhập Niết-bàn. Cũng như người trong khi mộng làm bè để vượt qua sông lớn, tay chân mỗi mệt, sanh tâm nhàm chán, đang ở giữa lòng sông, mộng tỉnh, tự nghĩ rằng: “Đâu có sông để có thể vượt qua?” Khi ấy, tâm chuyên cần cũng buông bỏ hết, Bồ-tát cũng như vậy. Ở trong địa vị Thất trụ, chứng được Vô sanh Pháp nhẫn, tâm hành đều đình chỉ, muốn vào Niết-bàn. Bấy giờ mười phương chư Phật đều phóng ánh sáng, chiếu trên thân Bồ-tát, lấy tay phải xoa đầu, nói rằng: “Thiện nam tử! Chớ sanh tâm tưởng ấy. Ông nên nhớ lại bản nguyện của ông là muốn độ chúng sanh. Ông tuy biết các pháp là không, mà chúng sanh thì không biết. Ông nên nhóm các công đức, giáo

hóa chúng sanh, chớ vào Niết-bàn. Ông chưa được thân kim sắc, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, vô lượng quang minh, ba mươi hai nghiệp. Ông nay mới chứng được Vô sanh pháp môn, chớ có mừng lớn.” Khi ấy Bồ-tát nghe lời chư Phật giáo huấn, trở lại sanh tâm nguyện như trước, thực hành sáu Ba-la-mật để độ chúng sanh. Như vậy, lúc mới đắc Phật đạo, được sự tá trợ ấy. Lại lúc Phật mới đắc đạo, tâm tự suy nghĩ: “Pháp này rất sâu xa, chúng sanh ngu muội bạc phước, Ta cũng sanh trong đời ngũ ác, phải làm sao đây? Suy nghĩ xong, Ta sẽ từ trong một pháp chia làm ba phần thành ba thừa để độ chúng sanh”. Khi suy nghĩ như vậy, chư Phật mười phương đều hiện ánh sáng tán thán rằng: “Lành thay! Lành thay! Chúng ta cũng ở trong đời ngũ ác, chia một pháp làm ba phần để độ chúng sanh”. Khi ấy, Phật nghe tiếng nói của chư Phật mười phương, liền rất hoan hỷ, xưng niệm “Nam mô Phật”.

Như vậy, mười phương Phật, nơi nơi đều khuyến trợ làm lợi ích lớn. Vì biết ân nặng ấy, cho nên lấy hoa cúng dường mười phương Phật. Phước đức tối thượng, không gì vượt qua phước đức này. Vì sao? Hoa ấy do công đức lực của Phật Bảo Tích sinh ra, chứ không phải hoa từ trong nước sanh. Phổ Minh là vị Bồ-tát pháp thân ở địa vị Thập trụ, đưa hoa ấy đến dâng lên Phật Thích-ca Mâu-ni. Phật Thích-ca Mâu-ni biết mười phương Phật là phước điền đệ nhất, cho nên cúng dường, phước ấy nhiều gấp bội. Vì sao? Vì Phật tự cúng dường Phật vậy.

Trong Phật pháp có bốn trường hợp bố thí:

- 1- Người thí thanh tịnh, người thọ không thanh tịnh
- 2- Người thí không thanh tịnh, người thọ thanh tịnh
- 3- Người thí thanh tịnh, người thọ cũng thanh tịnh
- 4- Người thí không thanh tịnh, người thọ không thanh tịnh.

Nay thí cho Phật ở phương Đông là cả hai đều thanh tịnh, phước ấy rất lớn. Vì vậy nên Phật tự cúng dường mười phương Phật.

Hỏi: Hết thấy Thánh nhân đều không thọ quả báo, đời sau không còn sanh trở lại, cớ sao nói phước bố thí ấy rất lớn?

Đáp: Phước ấy tuy không có người thọ hưởng, mà tướng nó lại lớn. Nếu có người thọ hưởng thì quả báo ấy vô lượng. Các Thánh nhân biết pháp hữu vi đều là vô thường, không, cho nên xả bỏ mà vào Niết-bàn, phước ấy cũng xả. Thí như thoi vàng đốt cháy, tuy mắt thấy nó đẹp mà không thể lấy tay đụng, vì sợ cháy tay người.

Lại nữa, như người bị mụn nhọt thì phải dùng thuốc bôi, nếu người không bị nhọt thì thuốc vô dụng; người có thân cũng như vậy, thường bị đói khát, lạnh nóng bức bách. Cũng như bị mụn nhọt, phải lấy áo chần,



ăn uống, ấm nóng làm cho dễ chịu, như lấy thuốc bôi mụn nhọt. Còn như kẻ ngu si, vì ham thuốc chứ không phải dùng bôi mụn. Nếu không mụn nhọt, thì thuốc cũng vô dụng. Chư Phật cho thân là một mụn nhọt, vì phóng xả thân mụn nhọt nên cũng không lãnh thọ thuốc quả báo. Vì vậy nên tuy có đại phước, cũng không thọ báo.

**KINH:** Hoa sen được rải đến thế giới chư Phật nhiều như hằng hà sa số ở phương Đông.

**LUẬN:** Hỏi: Hoa ít mà thế giới nhiều, làm sao rải khắp?

Đáp: Đó là do thần thông lực của Phật. Những sự như trên, có tám cách tự do biến hóa: Khiến nhỏ thành lớn, khiến lớn thành nhỏ, khiến nặng thành nhẹ, khiến nhẹ thành nặng, tự tại vô ngại, tùy ý đi đến, rung động đại địa, thành tựu sở nguyện. Các đại Thánh nhân đều có tám cách biến hóa tự tại ấy, cho nên Phật có thể lấy một ít hoa rải khắp hằng hà sa số thế giới ở phương Đông.

Lại nữa, để chỉ cho chúng sanh thấy phước báu vị lai, một ít hoa như thế mà rải khắp thế giới ở phương Đông. Lại để khuyên Bồ-tát ở phương Đông rằng gieo phước vào trong ruộng Phật thì được quả báo cũng như hoa ấy đầy khắp vô lượng. Các ông từ xa đi đến, phải nên hoan hỷ, gặp được phước điền ấy, quả báo vô lượng.

**KINH:** Các Bồ-tát xuất gia, tại gia và đồng nam đồng nữ, đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật Thích-ca Mâu-ni, mỗi người đem đồ cúng dường mà cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Phật Thích-ca Mâu-ni. Các Bồ-tát xuất gia, tại gia và đồng nam đồng nữ ấy, mỗi mỗi nhờ năng lực thiện căn phước đức mà được cúng dường Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng Chánh giác.

**LUẬN:** Như kệ nói:

*Con đường các Thánh đến,  
Phật cũng đến như vậy,  
Thật tướng và chỗ đi,  
Phật như vậy không khác.  
Chư Thánh nói như thật,  
Phật nói cũng như thật,  
Do vậy nên gọi Phật,  
Là đáng hiệu Như Lai (Tathàgata)  
Giáp nhãn: Tâm kiên cố,  
Cung tinh tấn: Sức mạnh,  
Tên trí tuệ: Nhọn cứng,  
Phá các giặc kiêu mạn.*

Đáng lãnh thọ cúng dường,  
 Của loài Trời, loài người.  
 Do vậy nên gọi Phật.  
 Là đáng hiệu Ứng cúng (Araha)  
 Chính biết thật tướng khổ,  
 Cũng thật biết khổ tập,  
 Biết thật tướng khổ diệt,  
 Cũng biết đạo diệt khổ,  
 Chọn chánh hiệu Tứ đế,  
 Định thật không thể biến,  
 Cho nên trong mười phương,  
 Hiệu Chánh đẳng Chánh giác.  
 Được Tam minh vi diệu,  
 Đầy đủ hạnh thanh tịnh,  
 Do đó hiệu Thế Tôn (Bhagavat)  
 Là đáng Minh-Hạnh-túc (Vidyà-carana)  
 Biết rõ hết thấy pháp  
 Tự được diệu đạo rồi.  
 Đúng thời phương tiện thuyết,  
 Vì thương đến tất cả,  
 Diệt trừ già, bệnh, chết,  
 Dẫn đến chỗ an ổn,  
 Do vậy nên gọi Phật,  
 Là đáng hiệu Thiện-thệ (Sugata)  
 Biết đời từ đâu đến,  
 Cũng biết đường đời diệt,  
 Do vậy nên gọi Phật,  
 Là đáng Thế-gian-giải (Loka-vid).  
 Con mắt thiền, giới, trí,  
 Không ai bằng, huống hơn,  
 Do vậy nên gọi Phật,  
 Là đáng Vô-thượng-sĩ (Anurata).  
 Đại bi độ chúng sanh,  
 Khéo léo dạy, điều ngự,  
 Do vậy nên gọi Phật,  
 Là đáng Điều-ngự-sư (Purusa-damya Sàrathi).  
 Trí tuệ, không phiền não,  
 Thuyết giải thoát tối thượng,

*Do vậy nên gọi Phật,  
Là đấng Thiên-nhơn-sư (Devamanusyanàmi).  
Ba đời động, chẳng động,  
Pháp tận và chẳng tận,  
Dưới đạo thọ biết hết,  
Do vậy nên gọi Phật,*

**KINH:** Vượt qua hằng hà sa thế giới chư Phật về phương Nam, ở bên cạnh thế giới ấy, có thế giới tên là Ly-Nhất-Thiết-Uu, Phật hiệu là Vô-Uu-Đức, Bồ-tát hiệu là Ly-Uu. Vượt qua hằng hà sa thế giới chư Phật về phương Tây, ở bên cạnh thế giới ấy, có thế giới tên là Diệt-Ác, Phật hiệu là Bảo-Sơn, Bồ-tát hiệu là Nghĩa-Ý. Vượt qua hằng hà sa thế giới chư Phật về phương Bắc, ở bên cạnh thế giới ấy, có thế giới tên là Thắng, Phật hiệu là Thắng Vương, Bồ-tát hiệu là Đắc Thắng. Vượt qua hằng hà sa thế giới chư Phật về phương dưới, ở bên cạnh thế giới ấy, có thế giới tên là Thiện, Phật hiệu là Thiện Đức, Bồ-tát hiệu là Hoa Thượng. Vượt qua hằng hà sa thế giới chư Phật về phương trên, ở bên cạnh thế giới ấy, có thế giới tên là Hỷ, Phật hiệu là Hỷ Đức, Bồ-tát hiệu là Đức Hỷ. Như vậy, hết thủy đều như phương Đông.

**LUẬN:** Hỏi: Như trong Phật pháp thật không có các phương. Vì sao? Vì không thuộc vào trong năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới? Trong bốn pháp tạng cũng không. Nói phương là thật pháp, mà tìm nhân duyên cũng không thể có được; nay cố sao trong đây nói mười phương chư Phật, mười phương Bồ-tát đến?

Đáp: Theo pháp thế tục lưu truyền cho nên nói “phương”, chứ tìm “phương” thật không có.

Hỏi: Vì sao lại nói không có phương? Trong bốn pháp tạng của các ông không nói, nhưng trong sáu pháp tạng (sáu cú nghĩa) của chúng tôi có nói. Nó không được kể đến trong năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới nhưng được kể đến trong Thật cú nghĩa (Đà-la-phiêu - Draya-Pàdartha) của chúng tôi. Pháp phương ấy, vì là tướng thường, tướng hữu thường, nên cũng có, cũng thường. Như trong Kinh nói: “Chỗ mặt trời mọc là phương Đông, chỗ mặt trời lặn là phương Tây, chỗ mặt trời đi qua là phương Nam, chỗ mặt trời không đi qua là phương Bắc. Mặt trời có ba phần hợp: Hoặc trước hợp, hoặc nay hợp, hoặc sau hợp. Tùy theo phương mà mặt trời có ba phần. Đầu tiên hợp là phương Đông. Phương Nam phương Tây cũng vậy. Chỗ mặt trời không đi qua là không có phần. Kia cách đây, đây cách kia, đó là tướng trạng của “phương”. Nếu không có phương thì không có kia, đây. Kia đây là tướng của “phương” nhưng

nó chẳng phải phương?

Đáp: Không phải vậy, núi Tu-di ở giữa bốn châu. Mặt trời đi quanh núi Tu-di, chiếu đến bốn châu thiên hạ. Ở châu Uất-đơn-la-việt, mặt trời đứng bóng, thì ở châu Phát-bà-đề, mặt trời mới mọc, vậy người ở châu Phát-bà-đề là phương Đông; ở châu Phát-bà-đề mặt trời đứng bóng, thì ở châu Diêm-phù-đề mặt trời mới mọc, vậy người ở châu Diêm-phù-đề là phương Đông, ấy là thật không có bắt đầu. Vì sao? Vì hết thủy đều là phương Đông, đều là phương Nam, đều là phương Tây, đều là phương Bắc. Vậy ông nói chỗ mặt trời mọc là phương Đông, chỗ mặt trời đi qua là phương Nam, chỗ mặt trời lặn là phương Tây, chỗ mặt trời không đi qua là phương Bắc, việc ấy không đúng

Lại nữa, có nơi mặt trời không hợp, thế là không phải phương, vì không có tướng “phương”.

Hỏi: Tôi nói trong một nước có bốn phương, ông lại đem bốn châu ra nạn. Vì thế nên chẳng phải là không có bắt đầu ở phương Đông?

Đáp: Nếu ở trong một nước mà mặt trời cùng với phương Đông hợp, thế là có biên, có biên thì vô thường, vô thường thì chẳng khắp. Vì thế nên “phương” chỉ có danh mà không có thật.

**KINH:** Bấy giờ cả ba ngàn đại thiên thế giới đều thành trân bảo, hoa phủ khắp mặt đất, treo lụa, phướn, lọng, cây hương, cây hoa, đầy đủ trang nghiêm.

**LUẬN:** Hỏi: Do thần lực ai mà làm cho đất thành báu?

Đáp: Đó là do vô lượng thần lực của Phật biến hóa làm ra. Có người dùng chú thuật, huyền pháp, và các Quỷ thần, Ma vương có thể biến hóa một ít vật, còn nếu làm cho cả ba ngàn đại thiên thế giới đều thành trân bảo, thì những người ấy và Phạm-thiên-vương đều không thể làm được. Phật vào trong bốn thiên với tâm biến hóa, khiến ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả hoa, hương, cây cỏ, đất đai đều được trang nghiêm, hết thủy chúng sanh đều hòa đồng, với tâm trở nên thiện. Vì sao? Trang nghiêm thế giới này vì để thuyết Bát-nhã Ba-la-mật vậy. Cũng vì Bồ-tát khách và các chư Thiên, loài người từ mười phương đến, cho nên trang nghiêm. Như người ta mời quý khách. Nếu một nhà mời thì trang nghiêm một nhà, một Quốc chủ mời thì trang nghiêm một nước, Chuyển luân Thánh vương mời thì trang nghiêm bốn châu thiên hạ, Phạm-thiên-vương mời thì trang nghiêm ba ngàn đại thiên thế giới. Phật là chủ của mười phương vô lượng hằng hà sa thế giới, vì các Bồ-tát khách và các chư Thiên, loài người từ tha hương đến, cũng vì chúng nhân ở đây ở kia hãy thấy sự biến hóa trang nghiêm này thì sanh đại tâm,

sanh tâm thanh tịnh hoan hỷ. Từ đại tâm phát ra đại nghiệp, từ đại nghiệp được đại báo, trong khi thọ đại báo lại sanh đại tâm, như vậy triển chuyển tăng ích, mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên biến thế giới này đều thành trân bảo.

Sao gọi là bảo? Có bốn thứ là vàng, bạc, tỳ-lưu-ly, pha-lê. Lại có bảy thứ báu là vàng, bạc, tỳ-lưu-ly, pha-lê, xa-cừ, mã-nã, xích-chơn-châu (châu này rất quý, chẳng phải là san-hô). Lại còn có thứ báu là ma-la-già-đà (báu này từ miệng chim kim-sí mà ra, sắc lục, hay trừ độc), nhân-đà-ni-la (báu xanh của trời), ma-ha-ni-la (báu xanh lớn), bát-ma-la-già (báu sáng đỏ), việt-xà (kim-cương), long châu, như ý châu, ngọc bối, san-hô, hổ phách v.v... các thứ gọi là báu. Báu ấy có ba loại là: Nhân bảo, Thiên bảo, Bồ-tát bảo. Nhân bảo năng lực ít, chỉ có sắc sáng thanh tịnh, trừ độc, trừ quỷ, trừ tội, trừ đói khát, lạnh, nóng ... các thứ khổ. Thiên bảo cũng lớn, cũng hơn thường, thường theo chân trời, có thể sai khiến, cùng nói chuyện, nhẹ mà không nặng. Bồ-tát bảo thì hơn thiên bảo, có thể gồm cả việc của nhân bảo, Thiên bảo. Lại có thể khiến hết chúng sanh biết gốc ngọn nhân duyên của sự chết đây sanh kia. Thí như gương sáng, soi thấy mặt mày.

Lại nữa, Bồ-tát bảo có thể phát ra các thứ pháp âm, hoặc làm mũ báu đội trên đầu, trời mưa xuống các đồ cúng dường, nào là tràng phan, lọng hoa trên vô lượng thế giới chư Phật trong mười phương để cúng dường Phật. Lại mưa các vật để nuôi sống như áo, chăn, đồ nằm, mọi thứ tùy theo chỗ cần của chúng sanh mà mưa đủ cả, để cấp thí cho chúng sanh. Các thứ trân bảo như vậy, để trừ các khổ nghèo cùng của chúng sanh.

Hỏi: Các thứ trân bảo ấy từ đâu xuất ra?

Đáp: Vàng thì xuất từ đá cát, đồng đỏ trong núi; trân châu thì xuất từ bụng cá, từ trong tre, từ nãi răn; long châu thì xuất từ nãi rồng; san-hô thì xuất từ cây đá trong biển; ngọc bối thì xuất từ mai rùa; bạc xuất từ đá cháy; còn lưu-ly, pha-lê v.v... xuất từ hang núi. Ngọc như ý xuất từ xá-lợi của Phật. Nếu khi chánh pháp chưa tận thì các xá lợi đều biến làm như ý châu, như băng giá quá một ngàn năm thì hóa làm ngọc pha-lê. Các thứ trân bảo như vậy là trân bảo thường trong loài người. Tất cả thế giới mà Phật trang nghiêm là thù thắng hơn cả, chư thiên không thể làm được. Vì sao? Ấy là từ đại công đức sanh ra.

Các thứ tràng hoa, như trước đã nói. Cây hương gọi là A-già-lâu (cây mật hương), là Đa-già-lâu (cây mộc hương), Chiên-đàn..., các thứ cây hoa như vậy. Cây hoa gọi là hoa Chiêm-bạc (cây hoa vàng), A-du-

ca (cây hoa vô ưu), Bà-ha-ca-la (cây hoa đỏ), đủ các thứ cây hoa như vậy.

**KINH:** Thí như thế giới Hoa Tích, thế giới Phổ Hoa, Bồ-tát Diệu Đức, Bồ-tát Thiện-Ý-Trụ, và các Bồ-tát có đại oai thần khác, đều ở nơi đó.

**LUẬN:** Hỏi: Vì sao nói “Thí như thế giới Hoa Tích”?

Đáp: Thế giới kia thường có tịnh hoa, thế giới này biến hóa trong nhất thời, nên lấy để thí dụ. Pháp thí dụ, là lấy cái nhỏ dụ cái lớn, như người có mặt đẹp thí như mặt trăng tròn.

Hỏi: Còn có các thế giới thanh tịnh ở mười phương, như thế giới An Lạc của Phật A-di-đà v.v..., sao chỉ lấy thế giới Phổ Hoa làm thí dụ?

Đáp: Thế giới của Phật A-di-đà không bằng thế giới của Phật Hoa Tích. Vì sao? Tỳ-kheo Pháp Tích (Pháp Tạng) tuy được Phật dẫn đến mười phương xem thế giới thanh tịnh, nhưng vì công sức mỏng nên không thể thấy được thế giới thượng diệu thanh tịnh. Do vậy thế giới không bằng.

Lại nữa, ngay khi Phật biến hóa thế giới này, chính cùng thế giới Hoa Tích giống nhau. Do vậy nói “Thí như thế giới Hoa Tích”.

Hỏi: Còn có các Bồ-tát khác như Tỳ-ma-la-cật, Quán Thế Âm, Biến-cát v.v... Sao không nói các Bồ-tát này ở tại đó mà chỉ nói Bồ-tát Văn-Thù-thi-ly (Diệu Đức), Bồ-tát Thiện-Ý-Trụ?

Đáp: Bồ-tát Biến-cát (Phổ Hiền) ấy, nơi mỗi lỗ chân lông của Ngài thường hiện ra thế giới chư Phật và chư Phật Bồ-tát đầy khắp mười phương để hóa độ chúng sanh, nên không có chỗ ở nhất định. Văn-thù-thi-ly phân thân biến hóa vào trong năm đường, hoặc làm Thanh-văn, hoặc làm Duyên-giác, hoặc làm thân Phật. Như trong kinh Thủ Lăng nghiêm Tam muội nói: “Bồ-tát Văn-Thù-thi-ly đời quá khứ là Long Chủng Phật Tôn, bảy mươi hai đời làm Bích-chi Phật”. Đó là có thể nói, có thể thuyết; còn Bồ-tát Biến-cát thì không thể lượng, không thể nói, không thể biết trú xứ, hoặc trú xứ ở trong tất cả thế giới. Do đó không nên nói đến.

Lại nữa, nói “và các Bồ-tát có đại oai thần” là cũng nói chung Bồ-tát Biến-cát và các Bồ-tát lớn.

**KINH:** Bấy giờ, Phật biết hết cả thế giới, hoặc thế giới Trời, hoặc thế giới Ma, hoặc thế giới Phạm-thiên, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, hoặc Càn-thát-bà, Người, A-tu-la v.v... Và các Bồ-tát kế thừa Phật vị, tất cả đều tập hội.

**LUẬN:** Hỏi: Thần lực của Phật vô lượng, tất cả chúng sanh trong

mười phương, nếu tất cả đều đến tập hội, thì hết thủy thế giới phải trống không. Nếu không đến thì thần lực vô lượng của Phật có chỗ không làm được?

Đáp: Không thể đến hết. Vì sao? Thế giới của chư Phật vô biên vô lượng, nếu đến hết thời là hữu biên. Lại, mười phương đều có Phật, cũng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật. Như trong Chương bốn mươi ba của kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói "Mười phương đều có hàng ngàn vị Phật xuất hiện, đều thuyết Bát-nhã Ba-la-mật". Do đó không nên đến cả hết.

Hỏi: Nếu có mười phương chư Phật đều thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, thế thì mười phương Bồ-tát sao còn đến đây?

Đáp: Như đã nói trong chương Bồ-tát Phổ-Minh đến. Vì có nhân duyên với Phật Thích-ca Mâu-ni cho nên đến.

Lại nữa, đó là vì bốn nguyện của Bồ-tát rằng: "Nếu có chỗ nào thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời ta sẽ nghe, lãnh thọ, cúng dường". Vì vậy nên từ xa đi đến. Vì muốn đem thân lực chứa nhóm công đức, cũng vì muốn tỏ cho chúng sanh rõ rằng: "Ta từ xa còn đi đến cúng dường pháp, sao các người ở tại thế giới này mà không cúng dường?"

Hỏi: Phật đối với pháp không còn dính mắc, tại sao lại bày phen hiện thân lực để khiến chúng sanh tập hội đông đủ?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sâu xa, khó biết khó hiểu, không thể nghĩ bàn, cho nên tập hội rộng rãi các Đại Bồ-tát, làm cho người mới phát tâm được tin vui. Cũng như lời của kẻ nhỏ không đủ làm cho ai tin, lời của người quý trọng tất được tin vâng.

Hỏi: Cớ sao nói "hoặc thế giới Trời, hoặc thế giới Ma, hoặc thế giới Phạm-thiên"? Chỉ nên nói thế giới Trời, thế giới Người là đủ. Vì sao? Vì trong mười hiệu của Phật có hiệu là Thiên Nhơn sư. Do vậy chỉ nên nói Trời và Người là đủ?

Đáp: Chư Thiên có Thiên nhân, Thiên nhĩ, lợi căn, trí tuệ nhiều, tự biết mà đi đến. Thế nên nói là thế giới Trời.

Hỏi: Nếu trong thế giới Trời đã gồm có Ma, Phạm; sao còn nói riêng Ma hoặc Phạm?

Đáp: Trong chư Thiên có ba chủ lớn: Thích-đề-bà-na-dân làm Thiên chủ hai nơi (Tứ thiên thiên và Tam-thập-tam thiên), Ma vương làm chủ cõi Trời Lục dục, Phạm-thiên-vương làm Thiên chủ trong thế giới Phạm thiên.

Hỏi: Như cõi Trời Dạ-ma, cõi Trời Đâu-suất-đà, cõi Trời Hóa Lạc thủy đều có chủ, tại sao chỉ nói có ba chủ?

Đáp: Thích-đề-bà-na-dân vương nường trên đất mà ở, Phật cũng nường trên đất đó mà ở. Vì thường đến chỗ Phật, rất có danh tiếng, nhiều người biết đến. Còn Ma vương thì thường đến quấy rầy Phật, lại là chủ của tất cả cõi Dục. Các trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa Lạc đều thuộc Ma vương.

Lại nữa, nói thế giới Trời, thì Trời của ba cõi đều thuộc về Trời. Ma là chủ của tất cả cõi Dục, nên nói riêng.

Lại nữa, Ma thường quấy rầy Phật, mà nay đến nghe thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, thì các người khác cũng thêm lòng tín.

Hỏi: Trong cõi Sắc có rất nhiều cõi Trời; tại sao chỉ nói thế giới Phạm thiên tập hội?

Đáp: Các cõi Trời cao nữa thì không có giác và quán, không thích tán tâm lại vì khó nghe. Thế giới Phạm có bốn thức (nhãn, nhĩ, thân, ý thức) vì dễ nghe được và vì ở gần.

Lại nữa, “Phạm” nghĩa là ly dục thanh tịnh. Nay nói thế giới Phạm là đã nói chung các cõi Trời ở Sắc giới.

Lại nữa, các cõi Trời khác chưa có dân Trời, lúc kiếp sơ sanh, Phạm-thiên-vương ở một mình trong Thiên cung, vắng vẻ không ai, tâm không vui nên tự nghĩ: “Sao trong đây không có nhân dân?” Bấy giờ trời Quang -âm mệnh tuyệt, ứng theo ý nghĩ kia mà sanh đến. Phạm vương bèn suy nghĩ: “Chư Thiên này trước không có, theo ý nghĩ của ta mà sanh ra, ta hay sanh ra chư Thiên này”. Chư Thiên khi ấy ai cũng tự nghĩ: “Ta từ Phạm vương sanh ra. Phạm vương là cha của ta”. Do vậy nên chỉ nói Phạm thế giới.

Lại nữa, các cõi Trời Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên (các cõi cao trên Phạm-thiên) thấy Phật, nghe pháp, hoặc khuyến trợ Bồ-tát ở tại cõi Dục, nhưng nhãn thức, nhĩ thức, thân thức đều tựa vào thế giới Phạm. Do vậy nên nói riêng Phạm thế giới.

Hỏi: Tại sao chỉ nói các Sa-môn, Bà-la-môn, mà không nói đến Quốc vương, Trưởng giả và các chúng khác?

Đáp: Người trí tuệ có hai hạng là Sa-môn và Bà-la-môn. Xuất gia thì gọi là Sa-môn, tại gia thì gọi là Bà-la-môn. Các người khác để tâm vào sự vui ở đời, cho nên không nói. Bà-la-môn phần nhiều học trí tuệ và cầu phước, người xuất gia thì hết thảy đều cầu đạo, thế cho nên chỉ nói đến Sa-môn và Bà-la-môn. Trong hàng tại gia, người có bảy đời thanh tịnh, sanh ra đủ sáu tuổi, đều thụ giới, gọi là Bà-la-môn. Trong hàng Sa-môn, Bà-la-môn ấy, có đạo đức, trí tuệ cho nên nói.

Hỏi: Trước đã nói thế giới Trời, sao nay còn nói đến Trời?



Đáp: Thiên thế giới là chỉ Tứ-thiên-vương, Đạo-lợi thiên; Ma là chỉ cho Tha-hóa-tự-tại thiên; Phạm là chỉ cho Sắc giới. Nay nói trời là chỉ cho trời Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa-lạc và Ái-thân v.v... trong Dục giới. Ái-thân ở trên Lục-dục-thiên, hình sắc tuyệt đẹp, cho nên gọi là Ái-thân.

Hỏi: Tại sao chỉ nói Càn-thất-bà mà không nói đến các Quỷ thần và Long vương khác?

Đáp: Càn-thất-bà là nhạc thần của chư Thiên, thường đi theo chư Thiên. Tâm nó nhu nhuyễn, phước đức kém hơn chư Thiên. Các Quỷ thần thuộc trong Quỷ thần đạo; Long vương thuộc trong súc sanh đạo. Chân-đà-la cũng là kỹ nhạc của trời, đều thuộc vào Trời; chung ở cùng ngôi với người mà ăn uống, và kỹ nhạc thì đồng với Trời. Vua Càn-thất-bà tên là Đồng-lung-ma (Tần dịch là Thọ). Càn-thất-bà, Chân-chân-đà thường ở hai chỗ, chỗ thường ở là tại giữa núi Thập Bảo. Có khi tấu nhạc cho chư thiên ở trên trời. Hai loại này thường thay đổi giữa cao và thấp.

Người sanh trong bốn châu thiên hạ. Sanh ra có bốn hạng. Sống rất lâu cho đến vô lượng tuổi, sống rất ngắn cho đến chỉ mười tuổi.

A-tu-la là ác tâm, ưa đấu tranh mà không phá giới, tu phước bố thí lớn, sanh ở trên biển lớn, cũng có thành quách cung điện. Các vua của A-tu-la ấy tên là Tỳ-ba-chất-đa, Ba-lê, La-hầu-la v.v...

Như có thuyết kể: “Một lúc nọ, La-hầu-la A-tu-la vương muốn nuốt mặt trăng. Nguyệt thiên tử sợ hãi, gấp đi đến chỗ Phật nói kệ:

*Phật Thế Tôn thành tựu đại trí  
Con nay quy mạng cúi đầu lễ.  
La-hầu-la ấy nã loạn con,  
Xin Phật thương xót mà cứu hộ.*

Phật nói kệ cho La-hầu-la:

*Trăng hay soi tối lại mát mẻ,  
Là ngọn đèn trời giữa hư không.  
Sắc nó trong trắng ngàn ánh sáng,  
Người chớ nuốt trăng, mau nhả ra.*

Khi ấy La-hầu-la sợ quá toát mồ hôi, liền nhả trăng ra. Ba-lê A-tu-la vương thấy La-hầu-la sợ hãi, nhả trăng ra, nói kệ hỏi rằng:

*Ngươi La-hầu-la vì có gì  
Sợ hãi run rẩy nhả trăng gấp?  
Thân ngươi mồ hôi như người bệnh,  
Tâm sợ bất an đến thế kia?*

La-hầu-la bấy giờ nói kệ đáp rằng:

*Thế Tôn dùng kệ mà dạy tôi,  
Tôi không nhả trắng, đầu vỡ bầy.  
Dầu cho sống được, không an ổn,  
Vì vậy nên tôi nhả trắng này.*

Ba-lê A-tu-la vương nói kệ rằng:

*Chư Phật rất khó gặp,  
Lâu xa mới xuất hiện,  
Nói kệ thanh tịnh này,  
La-hầu-la nhả trắng.*

Hỏi: Tại sao không nói địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ?

Đáp: Địa ngục đại khổ, tâm rối loạn không thể thọ pháp, súc sanh thì ngu si che tâm, không thể thọ hóa, ngạ quỷ thì đói khát đốt thân cho nên không thể thọ pháp.

Lại nữa, trong loài súc sanh, ngạ quỷ, ít nhiều có kẻ đến nghe pháp, chỉ sanh tâm phước đức mà thôi, không thể lãnh thọ đạo, cho nên không nói.

Hỏi: Nếu như vậy, cũng không nên nói đến Càn-thát-bà, A-tu-la. Vì sao? Vì đã bao gồm trong ngạ quỷ đạo?

Đáp: Phật không nói bao gồm, sao nay nói bao gồm. Đó là thuyết của Ca-chiên-diên-tử v.v... Như sức của A-tu-la ngang với Trời, có khi chiến đấu hơn Trời. Càn-thát-bà là nhạc công của chư Thiên, đồng thọ phước lạc với trời, có trí tuệ phân biệt được tốt xấu, vì cớ sao không thể lãnh thọ đạo pháp? Như phẩm Thiên trong kinh Tạp A-hàm nói: “Mẹ quỷ thần Phú-na-bà-tẩu, Phật du hành nghỉ đêm nơi đó. Bấy giờ Phật thuyết về pháp thượng diệu cam lồ, hai người con trai con gái khóc lóc, mẹ nó nói bài kệ để ngăn rằng:

*Này con Uất-đát-la chớ ồn,  
Phú-na-bà-tẩu cũng chớ khóc.  
Ta nay nghe pháp được chứng đạo,  
Các con cũng sẽ được như ta.*

Do việc ấy nên biết trong hàng Quỷ thần có kẻ đắc đạo.

Lại nữa, trong Đại thừa, lực sĩ kim-cang Mật-tích trong hàng các Bồ-tát là hơn hết, huống gì các người khác.

Như Đơn-luân-ma, vua của Chân-đà-la, vua của Càn-thát-bà, đến chỗ Phật gảy đàn ca ngợi Phật. Ba ngàn thế giới đều chấn động, cho đến Ma ha Ca-diếp ngồi không yên. Những người như vậy, sao không thể đắc đạo?

Như các A-tu-la vương, Long vương, đều đến chỗ Phật, hỏi Phật về pháp sâu xa, Phật tùy câu hỏi mà giải đáp nghĩa sâu, sao nói không thể đắc đạo?

Hỏi: Trong năm đạo chúng sanh, Phật là Thầy của Trời, người, không nói là Thầy của ba ác đạo, vì ba ác đạo vô phước, không có phần lãnh thọ đạo pháp, mà Rồng và Quỷ đều đọa vào trong ác đạo?

Đáp: Phật cũng không nói rõ năm đạo. Nói năm đạo, là do các thầy ở Nhất-thiết-hữu-bộ. Các vị khác ở phái Độc-tử-bộ (Bà-ta-phát-đổ-lộ) nói có sáu đạo.

Lại nữa, nên nói có sáu đạo. Vì sao? Ba ác đạo một mực thuần là chỗ tội lỗi. Nếu phước nhiều tội ít, thì gọi là A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... chỗ thác sanh phải khác, vì vậy nên có sáu đạo.

Lại nữa, ba ác đạo cũng có lẽ lãnh thọ đạo pháp, song vì ít cho nên nói không.

Và các Bồ-tát sắp nối ngôi vị Phật, như trước đã nói.

